

Số: 269 /TB-TTYT

Phước Long, ngày 10 tháng 10 năm 2025

THÔNG BÁO YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: **Các hãng sản xuất, nhà cung cấp HC-VTYT tại Việt Nam**

Trung tâm Y tế khu vực Phước Long có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Cung ứng hóa chất năm 2026. Thuộc dự án: Cung ứng hóa chất và vật tư y tế năm 2026 của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long với nội dung cụ thể như sau:

I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế khu vực Phước Long

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá:

Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, tỉnh Cà Mau;

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại: 0291.3864.561 (KD); 0918422660 (*Ds Lợi trong giờ hành chính*).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa Dược – TTB – VTYT, Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, tỉnh Cà Mau; (**bảng gốc**).

Địa chỉ: Ấp Long Thành, Xã Phước Long, Tỉnh Cà Mau.

- Nhận qua email: tochuyengiattythpl1959@gmail.com. (**Bảng scan và file excel**).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 23/10/2025

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 23/10/2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ

Quý công ty báo giá theo *Phụ lục 1* và *Phụ lục 2* kèm theo:

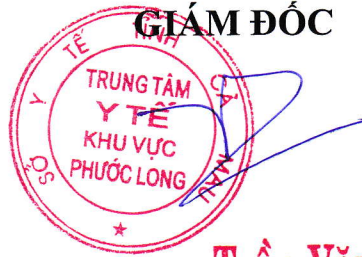
Nhận được thông báo này đề nghị các tổ chức có liên quan, quan tâm và đủ năng lực đến chào giá theo nội dung công việc nêu trên.

Bảng thông báo yêu cầu báo giá này được đăng tải trên <https://muasamcong.mpi.gov.vn> và trên trang thông tin điện tử Trung tâm Y tế khu vực Phước Long: <http://ttyphuoclong.vn>.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT;
- Lưu: Khoa Dược-TTB-VTYT



GIÁM ĐỐC

Trần Văn Sửa



PHỤ LỤC 1

MẪU BÁO GIÁ

(Đính kèm Thông báo số: 269/TB-TTYT, ngày 10 tháng 10 năm 2025)

CÔNG TY
Địa chỉ:
Điện thoại người liên hệ:
Email:

BẢNG BÁO GIÁ HÓA CHẤT⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Y tế khu vực Phước Long

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế khu vực Phước Long, chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung ứng; trường hợp có nhiều hãng sản xuất hoặc nhà cung ứng cùng tham gia trong một báo giá này (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các sản phẩm như sau:

STT	Tên hóa chất, vật tư y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan VNĐ	Thuế phí, lệ phí (nếu có) VNĐ	Thành tiền VNĐ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1										
2										
...										

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày, kể từ ngày ... tháng... năm...[ghi ngày....tháng....năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
- Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi có tham dự thầu.
- Giá trị của các sản phẩm nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin này là trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm về các thông tin đã cung cấp theo bảng báo giá này.

....., ngày....tháng....năm....

**Đại diện hợp pháp của hãng
sản xuất, nhà cung cấp⁽²⁾
(Ký tên, đóng dấu)**

Ghi chú:

(1) Mỗi hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp hóa chất, vật tư y tế tại Việt Nam có thể báo giá một hoặc nhiều mặt hàng vật tư y tế đang cung ứng trên thị trường trong cùng 01 bảng báo giá này. Đơn vị thực hiện báo giá lưu ý phải thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.

(2) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.

DANH MỤC HÓA CHẤT NĂM 2026

(Kèm theo thông báo số 269/TB-TTYT, ngày 10/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Y tế khu vực Phước Long)



STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
	I. Hóa chất xét nghiệm sinh hóa			
1	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy (Calibrator sinh hóa)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	5
2	Quality Control. (Normal)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
3	Quality Control. (Pathology)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
4	Control nước tiểu (Normal)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
5	Control nước tiểu (Pathology)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
6	Hóa chất định lượng Glucose	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	30
7	Hóa chất định lượng Urea	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	25
8	Hóa chất định lượng Creatinin	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	25
9	Hóa chất định lượng Triglyceride	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
10	Hóa chất định lượng Cholesterol	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
11	Hóa chất định lượng HDL-C tự động trực tiếp (Auto HDL)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	48
12	Hóa chất định lượng LDL - cholest tự động trực tiếp (Auto LDL)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
13	Hóa chất xét nghiệm Acid Uric	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
14	Hóa chất định lượng Amylase	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
15	Hóa chất định lượng Protein toàn phần	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
16	Hóa chất định lượng Albumin	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
17	Hóa chất xét nghiệm AST (SGOT)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	30
18	Hóa chất định lượng ALT (SGPT)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	30
19	Hóa chất định lượng GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	20
20	Hóa chất định lượng Iron (ion Fe)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	5
21	Hóa chất định lượng Bilirubin TP	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
22	Hóa chất định lượng Bilirubin TT	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
23	Hóa chất định lượng HbA1c	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	30

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
24	Hóa chất HbA1c Calibrator (4 Level)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	3
25	Hóa chất HbA1C Control	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	3
26	Alcohol (Ethanol)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	20
27	Alcohol (Ethanol) Calibrator	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
28	Alcohol (Ethanol) Control	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
29	Hóa chất xét nghiệm CK-MB	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
30	CK-MB Calibrator	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
31	CK-MB Control	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	10
32	Hóa chất xét nghiệm LDH	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	5
33	Hóa chất CRP Reagent	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	30
34	Hóa chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường (CRP Calibrator)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
35	Hóa chất kiểm chứng cho xét nghiệm CRP (CRP Control)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
36	Hóa chất CRP-hs Reagent	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
37	CRP-hs Calibrator	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	6
38	CRP-hs Control	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	12
39	Nước rửa máy sinh hoá (Wash solution)	Dùng trong xét nghiệm sinh hóa. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp	100
40	Bóng đèn máy sinh hóa	Bóng đèn Halogen sử dụng tương thích cho máy sinh hóa. 12V/20W	Cái	6
	II. Hóa chất xét nghiệm điện giải đồ			
41	Hóa chất xét nghiệm điện giải Na/K/Ca/pH/Cl	Dùng trong xét nghiệm điện giải. Sử dụng tương thích máy phân tích điện giải CBS-400 để xác định định lượng Na^+ , K^+ , Cl^- , Ca^{2+} , pH trong máu, nước tiểu.	Hộp	30
42	Chất kiểm soát dùng cho máy phân tích điện giải (Control (QC))	Sử dụng để kiểm chuẩn ở dải thấp, bình thường và mức cao cho các xét nghiệm Na, K, Cl, Ca, Dùng trong chẩn đoán, Sử dụng được trên máy phân tích điện giải CBS-400.	Hộp	5
43	Nước rửa máy điện giải	Nước rửa máy điện giải là dung dịch được sử dụng để làm sạch máy phân tích điện giải CBS-400.	Hộp	5
44	Giấy in máy ion đồ	Giấy in nhiệt sử dụng theo máy	Cuộn	100
	III. Hóa chất xét nghiệm đông máu			
45	Giếng phản ứng trong xét nghiệm đông máu trên máy đông máu	Giếng sử dụng theo máy. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	6

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
46	Thuốc thử định lượng APTT + CaCl ₂	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	8
47	Hóa chất chuẩn cho xét nghiệm đông máu (Calibrator)	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	8
48	Chất chuẩn đông máu mức bình thường (Normal Control)	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	50
49	Chất chuẩn đông máu mức bệnh lý (Pathology Control)	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	4
50	Giấy in máy đông máu	Giấy in nhiệt sử dụng theo máy	Cuộn	18
51	Thuốc thử định lượng Fibrinogen	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	24
52	Thuốc thử định lượng Prothrombin	Dùng trong xét nghiệm đông máu. Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	36
IV. Hóa chất xét nghiệm huyết học				
53	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức bình thường dùng cho máy 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp/Lọ/ chai/ống	6
54	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức cao dùng cho máy 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp/Lọ/ chai/ống	6
55	Chất kiểm chuẩn xét nghiệm định lượng huyết học mức thấp dùng cho máy 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Hộp/Lọ/ chai/ống	6
56	Hóa chất ly giải dùng cho máy phân tích huyết học 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Lọ/ chai	20
57	Hóa chất pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Thùng/ chai	30
58	Hóa chất rửa dùng cho máy phân tích huyết học 22 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Thùng/ chai	12
59	Dung dịch tách phân bạch cầu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	12
60	Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	12
61	Dung dịch pha loãng máu dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Thùng	24
62	Dung dịch rửa dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Thùng/ chai	12
63	Dung dịch rửa đậm đặc dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	24

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
64	Máu kiểm chứng huyết học mức cao dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	6
65	Máu kiểm chứng huyết học mức thấp dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	6
66	Máu kiểm chứng huyết học mức trung bình dùng cho máy huyết học 33 thông số	Dùng trong xét nghiệm huyết học. Tương thích với máy 33 thông số model: MEK-9100 của đơn vị. Nếu không tương thích, nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Chai/lọ	6
	V. Hoá chất xét nghiệm khí máu động mạch			
67	Chất thử xét nghiệm khí máu tích hợp trong cartridge của bộ hóa chất xét nghiệm phân tích các chỉ số khí máu động mạch	Dùng trong xét nghiệm khí máu động mạch. Đo các thông số: pH, pCO ₂ , pO ₂ , Hct, Na ⁺ , K ⁺ , Ca ⁺⁺ , Glucose và Lactate... Hộp ≤ 50 test. Mở hộp hạn sử dụng ≥ 45 ngày. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Test	600
68	Chất chứng cho xét nghiệm khí máu động mạch	Chất kiểm chứng mức 1, 2,3 cho máy xét nghiệm khí máu. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Bộ	6
69	Dung dịch rửa máy khí máu	Dùng trong xét nghiệm khí máu động mạch. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Bình/Hộp	4
	VI. Hóa chất xét nghiệm Vi sinh			
70	Bộ nhuộm Gram	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Bộ	5
71	Chai cấy máu hai pha	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Chai	200
72	Môi trường MC (nuôi cấy vi khuẩn)	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Đĩa	120
73	Môi trường Normal Salin 0.85%	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Lọ	30
74	Môi trường SAB (nuôi cấy nấm)	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Đĩa	60
75	NaCl 0,45%	Dung trong xét nghiệm vi sinh, chai 500ml	Chai	12
76	Ống nghiệm pha loãng mẫu	Kích thước 12-13mm x 75-80mm	Cái	1000
77	Thạch máu BA	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Đĩa	120
78	Thẻ định danh vi khuẩn gram âm	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Card/thẻ	150
79	Thẻ định danh vi khuẩn gram dương	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Card/thẻ	150
80	Thẻ kháng sinh đồ AST gram âm	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Card/thẻ	150
81	Thẻ kháng sinh đồ AST gram dương	Dung trong xét nghiệm vi sinh	Card/thẻ	150
82	Dầu soi kính hiển vi	Dùng soi kính hiển vi, chai ≥ 500ml	Chai	2
83	Giêm sa	Thuốc nhuộm GIEMSA, chai 500ml	Chai	2
84	Thuốc nhuộm tiêu bản EA-50		Chai	5
85	Thuốc nhuộm tiêu bản hematoxylin		Chai	5
86	Thuốc nhuộm tiêu bản OG-6		Chai	5
87	Dung dịch nhuộm Carbol Fuchsin	chai 100g	Chai	15
88	Dung dịch methylene blue (ml)	chai 100g	Chai/Lọ	15
89	Dung dịch Acid HCl (37-40%)	chai 500ml	Chai/Lọ	6
90	Acid Acetic đậm đặc (% và ml)	chai 500ml	Chai/Lọ	6
91	Dung dịch Phenol (ml)	chai 500ml	Chai	6
92	Lugol 3%		Chai	6
93	Thuốc nhuộm hồng cầu lưới (ml)	chai 100ml	Chai	6
	VII. Hóa chất khác			
94	Anti A	Kháng thể đơn dòng Anti A. Lọ ≥ 10ml	Lọ	40

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
95	Anti AB	Kháng thể đơn dòng Anti AB. Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	40
96	Anti B	Kháng thể đơn dòng Anti B. Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	40
97	Anti D	Là hỗn hợp của kháng thể đơn dòng lớp IgM và lớp IgG. Lọ $\geq 10\text{ml}$	Lọ	40
98	Anti Human Globulin (Coomb)	Thành phần: Kháng Globulin có độ tinh khiết cao gồm Anti-IgG Dung tích: $\geq 10\text{ ml}$.	Lọ/chai/ống	20
99	Dung dịch Liss	Dung dịch nước muối nồng độ ion thấp. Dung tích: $\geq 10\text{ml}$	Lọ/chai/ống	30
100	Ngoại kiểm Đông máu	Phù hợp với kiểm tra chất lượng ngoại kiểm tại Việt nam	Hộp	2
101	Ngoại kiểm Huyết học	Phù hợp với kiểm tra chất lượng ngoại kiểm tại Việt nam	Hộp	4
102	Ngoại kiểm niệu	Phù hợp với kiểm tra chất lượng ngoại kiểm tại Việt nam	Hộp	2
103	Ngoại kiểm Sinh hóa	Phù hợp với kiểm tra chất lượng ngoại kiểm tại Việt nam	Hộp	2
104	Ngoại kiểm Ethanol	Phù hợp với kiểm tra chất lượng ngoại kiểm tại Việt nam	Hộp	2
	VIII. Test nhanh			
105	Que thử đường huyết	Đo đường huyết trong (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch). Khoảng đo: 0,6-33,3 mmol/L (10-600mg/dL). Lượng mẫu máu: $\leq 0,6\mu\text{L}$. Đối tượng sử dụng (HCT) 10-65%. Thời gian thử <10 giây. Độ chính xác theo mức sai số $\pm 15\text{ mg/dL}$ hoặc $\pm 15\%$ là 99%. Đạt tiêu chuẩn ISO....hoặc tương đương. Nhà thầu đặt máy khi trúng thầu	Que/test	6000
106	Test Anti HBs		Test	150
107	Test HbsAg		Test	3000
108	Test HCV		Test	300
109	Test HIV (Determine HIV 1/2 hoặc tương đương)	Độ nhạy: 100%, độ đặc hiệu: $\geq 99,75\%$ Thời gian trả kết quả: 10-20 phút. Test này khác hãng sản xuất so với 2 test HIV còn lại Chứng nhận lưu hành sinh phẩm của Bộ Y Tế	Test	500
110	Test HIV (Rapid Anti HIV 1/2 hoặc tương đương)	Độ nhạy 100%, Độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$, Cho kết quả nhanh trong vòng 10-20 phút. Test này khác hãng sản xuất so với 2 test HIV còn lại. Chứng nhận lưu hành sinh phẩm của Bộ Y Tế	Test	500
111	Test HIV (Abott Bioline HIV 1/2 3.0 hoặc tương đương)	Độ nhạy: 100%. Độ đặc hiệu: $\geq 99,75\%$. Thời gian trả kết quả: 10-20 phút. Test này khác hãng sản xuất so với 2 test HIV còn lại. Chứng nhận lưu hành sinh phẩm của Bộ Y Tế	Test	300
112	Test ma túy tổng hợp 5 chỉ số		Test	1500

STT	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
113	Test nhanh chẩn đoán DENGUE IgG/IgM		Test	500
114	Test nhanh Dengue NS1		Test	1000
115	Test nhanh chẩn đoán giang mai		Test	2000
116	Test nhanh chẩn đoán viêm dạ dày do H.pylory		Test	100
117	Test Troponin I		Test	3000
118	Test thử HbeAg		Test	100
119	Test thử nước tiểu 3 thông số		Que/test	2000
120	Test nước tiểu 10 thông số		Que/test	5000
	IX. Hóa chất xét nghiệm miễn dịch			
121	Hóa chất định lượng CA 125 (Cancer antigen 125)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
122	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigent 19-9)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
123	Định lượng CA 15-3 (Cancer antigen 15-3)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
124	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigent)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
125	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
126	Định lượng FT4 (Free Thyroxine)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
127	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
128	Toxocara IgG	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
129	Toxocara IgM	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
130	Sán dây chó (Echinococcus granulosus)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
131	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
132	Định lượng beta hCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
133	Định lượng Pro-calcitonin	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
134	Định lượng PSA tự do (Free prostate Specific Antigen)	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
135	Định lượng Troponin I	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
136	Calibration	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
137	Control	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12
138	Nước rửa máy miễn dịch	Nhà thầu đặt máy nếu trúng thầu	Hộp	12